BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5930/QĐ-BQP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018)

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Động viên công nghiệp năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Thực hiện Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003 – 2018);

Xét đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng tại Tờ trình số 2717/TTr-TM ngày 19 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng các bộ có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện Kế hoạch này.

Điều 4. Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5930 /QĐ-BQP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình và kết quả thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp trong thời gian qua; làm rõ ưu điểm, hạn chế trong công tác động viên công nghiệp; biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác động viên công nghiệp trong tình hình mới;

- Đánh giá tính thống nhất, phù hợp giữa Pháp lệnh Động viên công nghiệp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; những khó khăn, bất cập, vướng mắc trong quy định và tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp; nghiên cứu, đề xuất xây dựng Dự án Luật Động viên công nghiệp nhằm thay thế Pháp lệnh Động viên công nghiệp.

2. Yêu cầu

- Quá trình chuẩn bị và tiến hành tổng kết toàn diện, hiệu quả, thiết thực; bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, đơn vị quân đội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh);

- Nội dung tổng kết phản ánh đúng tình hình thực tế, khách quan, có số liệu chứng minh cụ thể;

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác động viên công nghiệp trong tình hình mới;

- Nghiên cứu xây dựng Dự án Luật Động viên công nghiệp trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh Động viên công nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật; giải quyết những vấn đề bất cập chưa được quy định cụ thể, rõ ràng; luật hóa những vấn đề đã được kiểm chứng qua thực tiễn triển khai, thực hiện, đảm bảo huy động cao nhất tiềm lực nền công nghiệp của đất nước phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II. NỘI DUNG

1. Đánh giá đầy đủ, khách quan kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, bất cập về cơ chế chính sách, thực tiễn triển khai thực hiện; làm rõ nguyên nhân bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp; đề xuất chủ trương, giải pháp nâng cao chất lượng,

hiệu quả công tác động viên công nghiệp trong tình hình mới (tập trung vào các nội dung như định hướng của Đề cương Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp 2003 – 2018 ban hành kèm theo Kế hoạch này).

2. Đề xuất hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về động viên công nghiệp.

3. Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp.

III. THÀNH PHẦN, THỜI GIAN

1. Cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Cao Bằng, Bắc Giang, Sơn La, Phú Thọ, Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, An Giang, Cần Thơ tổ chức hội nghị tổng kết, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân chủ trì.

- Thành phần:

+ Khách mời: Đại biểu Bộ Tư lệnh và cơ quan quân khu;

+ Đại biểu: Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thủ trưởng Bộ CHQS cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ CHQS cấp tỉnh (đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đại biểu là Thủ trưởng Bộ Tư lệnh và cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh); lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chỉ huy Ban CHQS cấp huyện; Người quản lý doanh nghiệp có nhiệm vụ động viên công nghiệp; mỗi loại hình doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn mời đại diện từ 1 đến 2 Chủ doanh nghiệp.

- Thời gian: Báo cáo lịch tổ chức hội nghị trước ngày 31 tháng 01 năm 2018; báo cáo kết quả tổng kết trước ngày 31 tháng 3 năm 2018 (về Bộ Quốc phòng qua Cục Quân lực/BTTM).

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố còn lại: Xây dựng báo cáo tổng kết (không tổ chức hội nghị); thời gian gửi báo cáo tổng kết về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân lực/BTTM): Xong trước ngày 31 tháng 3 năm 2018.

2. Các bộ có liên quan

Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương: Xây dựng báo cáo tổng kết (không tổ chức hội nghị); thời gian gửi báo cáo tổng kết về Thủ tướng Chính phủ (qua Bộ Quốc phòng): Xong trước ngày 31 tháng 3 năm 2018.

3. Các Quân khu: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9; Binh chủng Hóa học

- Tổ chức hội nghị tổng kết do Thủ trưởng Bộ Tư lệnh chủ trì;

- Thành phần tham gia:

+ Khách mời: Các quân khu mời Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc địa bàn quân khu;

+ Đại biểu: Thủ trưởng và cơ quan thuộc Bộ Tư lệnh; Chỉ huy và cơ quan

các đơn vị dưới một cấp thuộc Bộ Tư lệnh.

- Thời gian: Báo cáo lịch tổ chức hội nghị trước ngày 28 tháng 02 năm 2018; báo cáo kết quả tổng kết trước ngày 30 tháng 4 năm 2018 (về Bộ Quốc phòng qua Cục Quân lực/BTTM).

4. Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

- Xây dựng báo cáo tổng kết (không tổ chức hội nghị).

- Thời gian gửi báo cáo tổng kết về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân lực/BTTM): Xong trước ngày 30 tháng 4 năm 2018.

5. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

- Xây dựng báo cáo tổng kết (không tổ chức hội nghị);

- Thời gian gửi báo cáo tổng kết về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân lực/BTTM): Xong trước ngày 30 tháng 4 năm 2018.

6. Bộ Quốc phòng

Tổ chức tổng kết hội nghị trực tuyến, thời gian xong trong quý 2 năm 2018; báo cáo kết quả tổng kết về Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 8 năm 2018.

(Kế hoạch tổ chức hội nghị trực tuyến xây dựng riêng)

IV. KINH PHÍ BẢO ĐẢM TỔNG KẾT

1. Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng ngân sách của bộ và địa phương mình chi cho công tác động viên công nghiệp hằng năm và nhiệm vụ tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (thực hiện theo Nghị định số 132/2004/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Động viên công nghiệp).

2. Cục Quân lực/BTTM phối hợp với Cục Tài chính/BQP dự toán kinh phí đảm bảo cho nhiệm vụ tổng kết của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, khen thưởng thành tích 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp; hướng dẫn, chi tiêu, thanh quyết toán theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị các bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nghiêm Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018); chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng trong chỉ đạo, tổ chức tổng kết Pháp lệnh Động viên công nghiệp theo Kế hoạch này.

2. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch này và chủ trì, phối hợp các cơ quan Bộ Quốc phòng tổ chức hội nghị tổng kết cấp Bộ Quốc phòng.

3. Tổng cục Chính trị chủ trì, phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu và các cơ quan liên quan hướng dẫn khen thưởng thành tích 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018).

4. Các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các văn bản chỉ đạo có liên quan đến công tác động viên công nghiệp; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình kiến nghị, đề xuất.

5. Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Thủ trưởng Tổng cục Chính trị dự, chỉ đạo hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp tại các Quân khu: 3, 5, 7, 9. Giao Bộ Tổng Tham mưu chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch dự và chỉ đạo hội nghị tổng kết tại các đơn vị, địa phương.

Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện; trong quá trình chuẩn bị và tiến hành tổng kết có gì vướng mắc phản ánh kịp thời về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân lực/BTTM)./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG
Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5930 /QĐ-BQP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Phần 1
ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LIÊN QUAN

Nêu những đặc điểm tình hình của bộ, địa phương, cơ quan, đơn vị; thuận lợi, khó khăn liên quan đến việc thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2018; tập trung vào một số nội dung:

1. Bối cảnh và hiện trạng phát triển công nghiệp trong giai đoạn (2003-2018)

- Số lượng các doanh nghiệp công nghiệp (DNCN) thuộc quyền quản lý và trên địa bàn.

- Quy mô, năng lực sản xuất (năng lực sản xuất, trình độ công nghệ, tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng).

2. Phân bố công nghiệp theo lãnh thổ

3. Hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp

4. Nhận định về tình hình phát triển công nghiệp trong giai đoạn tới.

Phần 2
TỔNG KẾT THỰC HIỆN PHÁP LỆNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THỰC HIỆN PHÁP LỆNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

1. Quán triệt, phổ biến, tuyên truyền, giáo dục và công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp

a) Vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc huy động năng lực các DNCN tham gia phục vụ quốc phòng, sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội;

b) Quán triệt, phổ biến cho cán bộ lãnh đạo và cơ quan các cấp;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho các DNCN và Nhân dân;

d) Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp.

2. Kết quả thực hiện những quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp

Căn cứ vào 7 nội dung chuẩn bị động viên công nghiệp (ĐVCN) quy định tại Điều 8 và 5 nội dung thực hành ĐVCN quy định tại Điều 20, Pháp lệnh Động viên công nghiệp và các nội dung liên quan; theo chức năng nhiệm vụ, được giao, các cấp đánh giá kết quả thực hiện những quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp và nhiệm vụ ĐVCN được cấp có thẩm quyền giao, tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

a) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Triển khai thực hiện khảo sát các DNCN có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đánh giá tiềm lực về công nghiệp, năng lực của các DNCN để phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng của địa phương khi có chiến tranh;

- Thực hiện và giao cho các cơ quan, DNCN thuộc quyền quản lý thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐVCN được giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất việc triển khai xây dựng các dây chuyền ĐVCN để sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội phục vụ quốc phòng và tác chiến trong khu vực phòng thủ của địa phương;

- Công tác quản lý tình hình sản xuất, kinh doanh, hiện trạng năng lực công nghệ của các DNCN đủ điều kiện ĐVCN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các DNCN đã được Nhà nước, Bộ Quốc phòng đầu tư xây dựng các dây chuyền ĐVCN;

- Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động trong các dây chuyền ĐVCN;

- Diễn tập ĐVCN:

+ Huy động các DNCN, các dây chuyền ĐVCN trên địa bàn tham gia diễn tập, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, sản xuất, sửa chữa trang bị cho quân đội và các lực lượng tác chiến trong khu vực phòng thủ;

+ Sử dụng các sản phẩm ĐVCN trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu.

- Công tác đảm bảo ngân sách để thực hiện nhiệm vụ ĐVCN, bảo đảm chính sách cho các DNCN và người lao động tham gia ĐVCN; bảo đảm địa điểm để di chuyển các DNCN có dây chuyền trong tình huống có chiến tranh;

- Tổ chức đảm bảo vật tư; dự trữ vật tư chuyên dụng quốc phòng phục vụ ĐVCN theo kế hoạch;

- Thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn;

- Tổng hợp ngân sách; kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ; kết quả sản xuất, sửa chữa, đưa vào trang bị quân sự, nhập kho; đưa vào sử dụng trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu; thanh xử lý các loại trang bị do các dây chuyền ĐVCN sản xuất *(có số liệu tổng hợp và bảng số liệu cụ thể)*;

- Các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ.

b) Đối với các bộ liên quan

- Công tác phối kết hợp với các bộ, địa phương liên quan trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ ĐVCN theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, DNCN thuộc quyền thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐVCN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

- Triển khai thực hiện khảo sát các DNCN thuộc quyền có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đánh giá tiềm lực về công nghiệp, năng lực của các DNCN để phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng của địa phương khi có chiến tranh;

- Thực hiện và giao cho các cơ quan, DNCN thuộc quyền quản lý thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ động viên công nghiệp được theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

- Tổ chức đảm bảo vật tư; dự trữ vật tư chuyên dụng quốc phòng phục vụ ĐVCN theo kế hoạch;

- Thực hiện quản lý nhà nước theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn;

- Các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Đối với các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Binh chủng Hóa học

- Công tác tham mưu, đề xuất, giúp Bộ Quốc phòng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn xây dựng và triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐVCN;

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các DNCN trên địa bàn và các đơn vị thuộc quyền thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐVCN;

- Quản lý số chất lượng trang thiết bị do Nhà nước giao cho DNCN trên địa bàn; quản lý các dây chuyền nhồi ép thuốc nổ, tổng lắp hoàn chỉnh sản phẩm ĐVCN đã được đầu tư tại đơn vị thuộc quyền;

- Công tác quản lý tổ chức ký hợp đồng, quản lý việc sản xuất, sửa chữa trang bị tại các dây chuyền ĐVCN; đánh giá việc nghiệm thu sản phẩm, nghiệm thu tổng hợp (đồng bộ) theo quy định của Bộ Quốc phòng đối với trang bị do các dây chuyền ĐVCN sản xuất, sửa chữa;

- Hướng dẫn các DNCN xây dựng chương trình, nội dung huấn luyện; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện của các DNCN;

- Chỉ đạo các Bộ CHQS (các cơ quan, đơn vị thuộc quyền, đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Binh chủng Hóa học) phối hợp với các cơ quan chức năng của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn, tổng công ty thực hiện khảo sát, quản lý các DNCN trên địa bàn và thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được giao;

- Tổng hợp ngân sách; kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ; kết quả sản xuất, sửa chữa, đưa vào trang bị quân sự, nhập kho; đưa vào sử dụng trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu; thanh xử lý các loại trang bị do các dây chuyền ĐVCN sản xuất *(có số liệu tổng hợp và bảng số liệu cụ thể)*;

- Các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Các tổng cục

- Phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu giúp Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN;

- Phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu lựa chọn các DNCN có đủ điều kiện ĐVCN để Bộ Tổng Tham mưu tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền chuyển giao cho các DNCN và đơn vị quân đội tài liệu công nghệ sản xuất, sửa chữa trang bị;

- Hướng dẫn cho Chủ đầu tư xây dựng và tham gia thẩm định các dự án đầu tư hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất trang bị;

- Chỉ đạo các quân khu, đơn vị, địa phương, DNCN quản lý số lượng, chất lượng trang thiết bị do Nhà nước đầu tư tại các DNCN và tại các đơn vị quân đội;

- Ban hành chương trình huấn luyện, nội dung huấn luyện cơ bản cho lực lượng bố trí trong các dây chuyền nhồi ép thuốc nổ, tổng lắp hoàn chỉnh sản phẩm tại các đơn vị quân đội và dây chuyền sửa chữa trang bị tại các DNCN. Chỉ đạo các quân khu hướng dẫn xây dựng chương trình, nội dung huấn luyện; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện của các DNCN;

- Chỉ đạo các quân khu quản lý việc sản xuất, sửa chữa, tổ chức đánh giá nghiệm thu sản phẩm, nghiệm thu tổng hợp (đồng bộ) theo quy định của Bộ Quốc phòng và quy định của ngành. Quản lý việc sản xuất, sửa chữa đánh giá nghiệm thu sản phẩm, nghiệm thu tổng hợp (đồng bộ) sản phẩm do các đơn vị thuộc quyền chịu trách nhiệm nhồi ép thuốc nổ, tổng lắp hoàn chỉnh sản phẩm; tổng hợp báo cáo Bộ Tổng Tham mưu;

- Tổ chức đảm bảo vật tư; dự trữ vật tư chuyên dụng quốc phòng phục vụ ĐVCN theo kế hoạch được giao;

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN theo chỉ tiêu, nhiệm vụ.

- Tổng hợp ngân sách; kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ; kết quả sản xuất, sửa chữa, đưa vào trang bị quân sự, nhập kho; đưa vào sử dụng trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu; thanh xử lý các loại trang bị do ĐVCN sản xuất *(có số liệu tổng hợp và bảng số liệu cụ thể);*

- Các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá tác động của các chính sách đến các ngành công nghiệp, trên cơ sở đó phân tích được các thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của các của các hạn chế, đồng thời rút ra bài học kinh nghiệm trong những năm qua.

1. Đánh giá

a) Ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng, hiệu quả của việc huy động các DNCN tham gia phục vụ quốc phòng theo chủ trương, đường lối tự lực, tự cường, huy động tối đa mọi nguồn lực bảo đảm quốc phòng toàn dân, nghệ thuật chiến tranh nhân dân, phương án tác chiến khu vực phòng thủ địa phương;

b) Ưu điểm

c) Tồn tại, khuyết điểm

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân ưu điểm

b) Nguyên nhân tồn tại, khuyết điểm

3. Một số bài học kinh nghiệm

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, BẤT CẬP TRONG THỰC HIỆN PHÁP LỆNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP VÀ ĐỀ NGHỊ, KIẾN NGHỊ

1. Những khó khăn, bất cập trong thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp.

a) Những khó khăn

Phân tích, đánh giá những khó khăn chi phối, ảnh hưởng, quyết định đến việc triển khai thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp; tập trung vào 7 nhóm vấn đề sau:

- *Một là,* những nét đặc thù nền công nghiệp nước ta chi phối công tác ĐVCN:

+ Số lượng các DNCN nhiều nhưng chủ yếu là vừa và nhỏ, thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau, sản xuất thiếu ổn định, khả năng đầu tư phát triển còn hạn chế. Về kỹ thuật và công nghệ thiếu hẳn những mảng công nghệ quan trọng như: Chế tạo vật tư, nguyên liệu, công nghệ chế tạo phôi, gia công lần cuối, công nghệ xử lý nhiệt và xử lý bề mặt.... Sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập, trong khi khả năng nhập rất hạn chế; nguyên vật liệu thay thế sản xuất trong nước chất lượng kém không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; việc khai thác vật tư tại chỗ gặp nhiều khó khăn. Sản phẩm có chất lượng chưa cao; chỉ đáp ứng sản xuất các sản phẩm đơn giản, hoặc phải liên kết nhiều DNCN mới sản xuất được một sản phẩm hoàn chỉnh;

+ Nhiều DNCN lớn, có trình độ công nghệ cao nhưng lại là doanh nghiệp nước ngoài, liên doanh nước ngoài, có yếu tố nước ngoài... không thuộc đối tượng ĐVCN theo quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp; sự phân bố của các DNCN chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, khu công nghiệp, khu trung tâm gây mất cân đối và khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ ĐVCN ở những địa bàn chiến lược về quốc phòng.

- *Hai là*, những tác động, ảnh hưởng của cơ chế thị trường: Các DNCN chỉ quan tâm đến thị trường, thị phần; nhiệm vụ quốc phòng có lúc, có nơi chưa được coi trọng đúng mức. Việc huy động, đào tạo, thu hút và duy trì nguồn nhân lực có trình độ cao để phục vụ nhiệm vụ ĐVCN còn gặp khó khăn, trở ngại, do đây là lực lượng lao động chủ yếu, quan trọng nên Chủ DNCN không muốn cho đội ngũ này tham gia nhiệm vụ quốc phòng vì thường phải bù đắp chi phí lớn (do thu nhập người/ngày cao)… Do tác động của kinh tế thị trường; sự cạnh tranh về thị trường, công nghệ, nguồn vốn, nhân lực.... diễn ra gay gắt; do vậy các DNCN thường có biến động do chuyển hướng kinh doanh, sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển giao quyền sở hữu, phá sản;

- *Ba là,* nhiều nhà quản lý DNCN (kể cả doanh nghiệp nhà nước) chưa nhận thức đúng về trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ ĐVCN; né tránh việc phối hợp với cơ quan quân sự khi triển khai nhiệm vụ ĐVCN;

- *Bốn là*, tổ chức, biên chế chưa có lực lượng chuyên trách về ĐVCN: Để thực hiện nhiệm vụ ĐVCN cần có sự phối hợp, hiệp đồng của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương. Trong khi đó, hệ thống chuyên trách theo dõi, chỉ đạo ĐVCN từ trung ương đến địa phương chưa được tổ chức; do vậy, quá trình triển khai không đồng bộ, phối hợp thiếu thống nhất, hiệu quả không cao;

- *Năm là*, kế hoạch Nhà nước về ĐVCN chưa có căn cứ để xây dựng, ảnh hưởng lớn đến việc xác định thế bố trí chiến lược trong xây dựng dây chuyền ĐVCN, xác định danh mục sản phẩm giao cho từng DNCN; ảnh hưởng lớn đến yếu tố chủ động và lập kế hoạch bảo đảm, triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN ở các cấp;

- *Sáu là*, ngân sách đảm bảo cho ĐVCN chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; việc giao nhiệm vụ, chỉ tiêu ĐVCN cho các DNCN còn nhỏ lẻ, ngắn hạn, chưa đồng bộ, thiếu tính quy hoạch, kế hoạch...;

- *Bảy là*, những vấn đề khó khăn khác (rút ra từ tình hình thực tiễn triển khai thực hiện của cấp mình và cấp có liên quan)....

b) Những vấn đề bất cập:

Phân tích, đánh giá những bất cập quy định trong Pháp lệnh Động viên công nghiệp; những đòi hỏi của thực tiễn đặt ra trong quá trình triển khai thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp; tập trung vào 05 nhóm vấn đề sau:

- *Một là*, một số quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp không còn phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như:

+ Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, các quy định liên quan đến vấn đề quốc phòng, an ninh được quy định của luật;

+ Luật Doanh nghiệp quy định về quản lý, cung cấp thông tin doanh nghiệp;

+ Luật Đầu tư công quy định về sử dụng và quản lý vốn đầu tư công;

+ Luật Ngân sách nhà nước quy định về lập, chấp hành ngân sách nhà nước;

+ Một số văn bản liên quan khác quy định về quản lý, huy động các DNCN phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng.

- *Hai là*, một số quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp đòi hỏi phải luật hóa hoặc sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng chủ trương, đường lối tự lực, tự cường, huy động tối đa mọi nguồn lực bảo đảm quốc phòng toàn dân, nghệ thuật chiến tranh nhân dân, phương án tác chiến khu vực phòng thủ địa phương:

+ Quy định về nội dung ĐVCN chỉ giới hạn việc sản xuất, sửa chữa là chưa thật đầy đủ, chưa bao hàm việc huy động năng lực khác của doanh nghiệp để bảo đảm, nghiên cứu, ứng dụng và phục vụ cho sản xuất, sửa chữa;

+ Quy định về nhiệm vụ của ĐVCN chỉ giới hạn việc sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội, chưa bao hàm việc sản xuất, sửa chữa trang bị cho lực lượng vũ

trang (nhất là cho lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng tác chiến trong khu vực phòng thủ địa phương);

+ Sản phẩm của ĐVCN chỉ giới hạn bao gồm các loại vũ khí, khí tài, phương tiện có trong biên chế của Quân đội, chưa bao hàm các loại trang bị trong lực lượng vũ trang (nhất là cho lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng tác chiến trong khu vực phòng thủ địa phương);

+ Đối tượng ĐVCN chỉ huy động các DNCN hoạt động trong các lĩnh vực cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện tử, chưa mở rộng các lĩnh vực khác;

+ Quy định ĐVCN đối với các DNCN có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam là chưa hoàn toàn phù hợp; chưa mở rộng huy định các DNCN có vốn đầu tư nước ngoài nhưng thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ góp vốn ít, không có quyền biểu quyết hoặc DNCN được giao nhiệm vụ ĐVCN sản xuất các loại bán sản phẩm, không có yêu cầu bí mật quân sự… (trừ doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài);

+ Quy định về phân cấp quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN đối với các DNCN theo phân cấp quản lý của bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty có những điểm chưa phù hợp, còn chồng chéo, phân tán và phân cấp tràn lan; nhiều doanh nghiệp thuộc quyền quản lý của các bộ, ngành, tổng công ty không thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan quản lý địa phương. Do vậy, địa phương khó tổng hợp và nắm bắt toàn bộ DNCN trên địa bàn quản lý; ở cấp trung ương, bộ được giao quản lý công nghiệp chung không nắm bắt, đánh giá đúng tiềm năng, nguồn lực nền công nghiệp trên phạm vi cả nước để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và ĐVCN;

+ Việc xác định cơ chế phối hợp có những nội dung có những chưa cụ thể. Việc triển khai thực hiện ĐVCN theo cơ chế giao nhiệm vụ, đầu tư còn có những mặt hạn chế nhất định; cần nghiên cứu xác định cơ chế đặt hàng hoặc cơ chế khác cho phù hợp; nhằm tăng hiệu quả, chất lượng, tính chủ động và tránh lãng phí khi các doanh nghiệp sáp nhập, chia tách, phá sản, giải thể, đổi mới công nghệ, thay đổi mục đích kinh doanh… dẫn đến không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

- *Ba là*, về cơ chế, chính sách:

+ Đánh giá quy định chế độ, chính sách, đảm bảo quyền lợi của DNCN và người lao động trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN đã đầy đủ, cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn hay chưa; có những bật hợp lý gì;

+ Thực tiễn DNCN, người lao động đã tiếp cận, thụ hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp và các văn bản liên quan chưa; có khó khăn gì; nguyên nhân...;

+ Chính sách để hỗ trợ, thu hút, khuyến khích, ưu tiên các DNCN, cá nhân tham gia ĐVCN như thế nào; cần điều chỉnh như thế nào cho phù hợp;

+ Quy định về khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN theo quy định Pháp lệnh Động viên công nghiệp đã phù hợp chưa;

+ Quy định về xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp đã phù hợp, nghiêm minh hay chưa.

- *Bốn là,* phân tích, đánh giá những bất cập do thực tiễn đòi hỏi để thực hiện ĐVCN tại cấp mình và các cấp có liên quan;

- *Năm là*, những vấn đề bất cập khác....

(Các nội dung phân tích, đánh giá cần có số liệu cụ thể để chứng minh)

2. Đề nghị, kiến nghị

- Kiến nghị, đề nghị để giải quyết các khó khăn, hạn chế, bất cập, yêu cầu thực tiễn đặt ra;

- Về chủ trương nâng Pháp lệnh Động viên công nghiệp lên thành Luật Động viên công nghiệp;

- Các kiến nghị, đề nghị khác.

IV. CHỦ TRƯƠNG, BIỆN PHÁP CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Chủ trương

2. Biện pháp

Phần thứ ba
KẾT LUẬN

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng